

Số 111 - HD/HNDT

Hưng Yên, ngày 05 tháng 7 năm 2018

HƯỚNG DẪN

Lấy ý kiến bổ sung, sửa đổi Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam khóa VII

Thực hiện kế hoạch số 190 - KH/HNDTW, ngày 12/01/2017 của Ban Thường vụ Trung ương Hội về tổ chức Đại hội Hội Nông dân các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ VII, nhiệm kỳ 2018 - 2023; Hướng dẫn số 212 - HD/HNDTW, ngày 27/3/2018 của Ban Thường vụ Trung ương Hội về công tác chuẩn bị và tổ chức Đại hội Hội Nông dân cấp tỉnh, huyện và cơ sở nhiệm kỳ 2018 - 2023; Hướng dẫn số 350-HD/HNDTW, ngày 04/6/2018 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về việc tổ chức lấy ý kiến góp ý bổ sung, sửa đổi Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam. Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Hưng Yên hướng dẫn việc tổ chức lấy ý kiến góp ý bổ sung, sửa đổi Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam trong quá trình đại hội Hội Nông dân tỉnh Hưng Yên. Cụ thể như sau:

I. Quan điểm, nguyên tắc bổ sung, sửa đổi Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam

1. Quan điểm

1.1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ Hội phải đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng; tiếp tục khẳng định vai trò Hội Nông dân là trung tâm nòng cốt trong phong trào nông dân và công cuộc xây dựng nông thôn mới.

1.2. Điều lệ bổ sung, sửa đổi phải giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra trong công tác xây dựng Hội; dự báo được những vấn đề đặt ra trong quá trình vận động, phát triển của tổ chức Hội giai đoạn 2018 - 2023; xác định rõ cơ cấu tổ chức, hoạt động, góp phần xây dựng tổ chức Hội vững mạnh toàn diện.

1.3. Các quy định của Điều lệ phải đảm bảo cho tổ chức và hoạt động Hội thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới và hội nhập quốc tế.

2. Nguyên tắc

2.1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ Hội phải đảm bảo tính thực tiễn, kế thừa, ổn định trên cơ sở kết quả thực hiện Điều lệ Hội nhiệm kỳ qua, nhất là khắc phục các vướng mắc, bất cập, không phù hợp với thực tế; đồng thời có đổi mới, phát triển cho phù hợp bối cảnh tình hình, yêu cầu, nhiệm vụ công tác Hội và phong trào nông dân thời kỳ mới.

2.2. Nội dung nêu trong Điều lệ Hội phải thể hiện tính phổ biến, khái quát, ngắn gọn, dễ hiểu, đảm bảo thực hiện thống nhất trong toàn hệ thống.

2.3. Các nội dung sửa đổi, bổ sung phải được xin ý kiến rộng rãi trong cán bộ, hội viên, được đa số quá bán đại biểu dự Đại hội Hội Nông dân toàn quốc tán thành.

II. Cách thức tổ chức đóng góp ý kiến bổ sung, sửa đổi Điều lệ Hội

1. Ban Thường vụ Hội Nông dân các huyện, thành phố tổ chức hội nghị Ban Chấp hành mở rộng bao gồm cả các đại biểu dự đại hội cấp tỉnh và từ 01 đến 02 chi hội nông dân để tiến hành thảo luận các nội dung nêu trong Hướng dẫn này; lấy ý kiến của các đại biểu vào phiếu (theo mẫu số 1 gửi kèm); tổng hợp ý kiến gửi về Hội Nông dân tỉnh trước khi tổ chức đại hội Hội Nông dân tỉnh Hưng Yên.

3. Việc góp ý bổ sung, sửa đổi Điều lệ Hội cần tập trung ưu tiên thảo luận những vấn đề trọng tâm. Ngoài ra những ý kiến góp ý bổ sung, sửa đổi Điều lệ Hội thuộc các chương, điều khác cũng sẽ được nghiêm túc nghiên cứu tiếp thu.

III. Một số nội dung trọng tâm xin ý kiến bổ sung, sửa đổi Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam

1. Về bố cục

- Gồm 8 chương, 26 điều và thứ tự các chương, điều (tăng thêm 2 điều do tăng thêm 2 điều tại chương V về ủy ban kiểm tra của Hội).

- Kế thừa cơ bản nội dung các điều; trong đó 14 điều giữ nguyên và 10 điều có nội dung, câu, từ đề xuất sửa đổi.

2. Về nội dung

Tập trung thảo luận một số vấn đề quy định tại các điều 1,2,3,6,7,9,13,16,17,18. Cụ thể như sau(*đăng trên trang Web Hội Nông dân tỉnh Hưng Yên*):

Điều lệ hiện hành	Phương án bổ sung, sửa đổi
	Dự kiến bỏ các cụm từ gạch ngang trong Điều lệ hiện hành; bổ sung hoặc thay thế bằng các cụm từ in đậm. Cụ thể như sau:

Điều 1: Chức năng

1. Tập hợp, vận động, giáo dục hội viên, nông dân phát huy quyền làm chủ, tích cực học tập nâng cao trình độ, năng lực về mọi mặt.

2. Đại diện giai cấp nông dân tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

3. Chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của nông dân; tổ chức các hoạt động dịch vụ, tư vấn, hỗ trợ nông dân trong sản xuất, kinh doanh và đời sống.

Điều 2: Nhiệm vụ

1. Tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên, nông dân hiểu và tích cực thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nghị quyết, chỉ thị của Hội. Khơi dậy và phát huy truyền thống yêu nước, ý chí cách mạng, tinh thần tự lực, tự cường, lao động sáng tạo của nông dân.

2. Vận động, tập hợp, làm nòng cốt tổ chức các phong trào nông dân phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh; xây dựng nông thôn mới.

3. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của hội viên, nông dân. Trực tiếp thực hiện và phối hợp thực hiện một số chương trình, đề án phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội nông thôn; hướng dẫn phát triển các hình thức kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn. Tổ chức các hoạt động dịch vụ, tư vấn, hỗ trợ, ~~đạy~~ nghề, khoa học công nghệ giúp nông dân phát triển sản xuất, nâng cao đời sống, bảo vệ môi trường.

4. Đoàn kết, tập hợp đông đảo nông dân vào tổ chức Hội, phát triển và nâng cao chất lượng hội viên. Xây dựng tổ chức Hội vững mạnh về mọi mặt; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

5. Tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh. Tham gia giám sát và phản biện xã hội theo quy chế; tham gia xây dựng cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. ~~Kịp~~ thời phản ánh tâm tư nguyện vọng của nông dân với Đảng và Nhà nước; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của hội viên, nông dân. Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, giữ

Điều 1: Chức năng

1. Tập hợp, **tuyên truyền**, giáo dục, vận động hội viên, nông dân phát huy quyền làm chủ, tích cực học tập nâng cao trình độ, năng lực về mọi mặt.

2. Đại diện giai cấp nông dân tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

3. Chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của nông dân; tổ chức các hoạt động dịch vụ, tư vấn, hỗ trợ nông dân trong sản xuất, kinh doanh và đời sống.

Điều 2: Nhiệm vụ

1. Tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên, nông dân hiểu và tích cực thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nghị quyết, chỉ thị của Hội. Khơi dậy và phát huy truyền thống yêu nước, ý chí cách mạng, tinh thần tự lực, tự cường, lao động sáng tạo của nông dân.

2. Vận động, tập hợp, làm nòng cốt tổ chức các phong trào nông dân phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh; xây dựng nông thôn mới.

3. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của hội viên, nông dân. Trực tiếp thực hiện và phối hợp thực hiện một số chương trình, đề án phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội nông thôn; hướng dẫn phát triển các hình thức kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn. Tổ chức các hoạt động dịch vụ, tư vấn, hỗ trợ, **đào tạo nghề**, khoa học công nghệ giúp nông dân phát triển sản xuất, nâng cao đời sống, bảo vệ môi trường.

4. Đoàn kết, tập hợp đông đảo nông dân vào tổ chức Hội, phát triển và nâng cao chất lượng hội viên. Xây dựng tổ chức Hội vững mạnh về mọi mặt; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và **hội nhập quốc tế**.

5. Tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh.

- Tham gia giám sát và phản biện xã hội theo quy chế; tham gia xây dựng cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- **Nắm bắt** phản ánh tâm tư nguyện vọng của nông dân với Đảng và Nhà nước; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của hội viên, nông dân.

- Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, giữ gìn

<p>gìn đoàn kết trong nội bộ nông dân; góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội.</p> <p>6. Mở rộng hoạt động đối ngoại theo quan điểm, đường lối của Đảng, tăng cường hợp tác, trao đổi, học tập kinh nghiệm, tiến bộ khoa học kỹ thuật, quảng bá hàng hoá nông sản, văn hoá Việt Nam với tổ chức nông dân, tổ chức quốc tế, các tổ chức chính phủ, phi chính phủ trong khu vực và trên thế giới.</p>	<p>đoàn kết trong nội bộ nông dân; tham gia xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội.</p> <p>6. Mở rộng hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế theo quan điểm, đường lối của Đảng, tăng cường hợp tác, khai thác nguồn lực, trao đổi, học tập kinh nghiệm, tiến bộ khoa học kỹ thuật, quảng bá hàng hoá nông sản, văn hoá Việt Nam với tổ chức nông dân, tổ chức quốc tế, các tổ chức chính phủ, phi chính phủ trong khu vực và trên thế giới.</p>
<p>Điều 3: Đối tượng và điều kiện trở thành hội viên</p> <p>1. Nông dân Việt Nam không phân biệt nam, nữ, dân tộc, tôn giáo và lao động khác trong các lĩnh vực có liên quan trực tiếp đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên lãnh thổ Việt Nam, từ 18 tuổi trở lên nếu tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện tham gia tổ chức Hội, được ban chấp hành cơ sở Hội đồng ý thì kết nạp vào Hội.</p> <p>2. Ủy viên ban chấp hành từ cơ sở trở lên đương nhiên là hội viên Hội Nông dân Việt Nam.</p>	<p>Điều 3: Đối tượng và điều kiện trở thành hội viên</p> <p><i>Bổ sung khái niệm hội viên hội nông dân Việt Nam:</i></p> <p>"Hội viên Hội Nông dân Việt Nam là nông dân Việt Nam và lao động khác có tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc; tích cực lao động, sản xuất; chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước; gắn bó mật thiết với Hội và tuân thủ Điều lệ Hội".</p> <p>1. Nông dân Việt Nam không phân biệt nam, nữ, dân tộc, tôn giáo và lao động khác trong các lĩnh vực có liên quan trực tiếp đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn, sinh sống ở nơi có tổ chức Hội, từ 18 tuổi trở lên nếu tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện tham gia tổ chức Hội, được ban chấp hành cơ sở Hội đồng ý thì kết nạp vào Hội.</p> <p>2. Ủy viên ban chấp hành từ cơ sở trở lên đương nhiên là hội viên Hội Nông dân Việt Nam.</p>
<p>Điều 6: Nguyên tắc tổ chức và hoạt động</p> <p>Hội Nông dân Việt Nam tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Cơ quan lãnh đạo các cấp của Hội được bầu cử trực tiếp bằng phiếu kín.</p>	<p>Điều 6: Nguyên tắc tổ chức và hoạt động</p> <p>- Phương án 1: Giữ nguyên hình thức bầu cử như quy định hiện nay.</p> <p>- Phương án 2: Bầu cử bằng hình thức: Bỏ phiếu kín hoặc giơ tay.</p>
<p>Điều 7: Hệ thống tổ chức của Hội</p> <p>Hội Nông dân Việt Nam gồm bốn cấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung ương; - Cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương); - Cấp huyện (huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh); - Cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn và tương đương). 	<p>Điều 7: Hệ thống tổ chức của Hội</p> <p>Hội Nông dân Việt Nam gồm bốn cấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung ương; - Cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương); - Cấp huyện (huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh); - Cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn và tương đương). <p>Việc thành lập hoặc chấm dứt hoạt động của một tổ chức Hội phải xin ý kiến và được</p>

<p>Điều 9: Ban chấp hành Hội Nông dân các cấp</p> <p>1. Số lượng và cơ cấu ban chấp hành cấp nào do ban chấp hành Hội cấp trên trực tiếp hướng dẫn và do đại hội cấp đó quyết định. Trong nhiệm kỳ, nếu số lượng uỷ viên ban chấp hành khuyết thì hội nghị ban chấp hành hoặc hội nghị đại biểu bầu bổ sung. Số uỷ viên ban chấp hành được bầu cử bổ sung cấp tỉnh và Trung ương không quá một phần hai (1/2) so với số uỷ viên ban chấp hành do đại hội quyết định; cấp huyện và cấp cơ sở được bổ sung đủ số lượng uỷ viên ban chấp hành mà đại hội đã quyết định.</p> <p>2. Ban chấp hành là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội, ban chấp hành cấp dưới phải được ban chấp hành cấp trên trực tiếp công nhận. Ban chấp hành bầu ban thường vụ, bầu chủ tịch, các phó chủ tịch trong số uỷ viên ban thường vụ. Số lượng và cơ cấu ban thường vụ do ban chấp hành quyết định, tổng số uỷ viên ban thường vụ không quá một phần ba (1/3) tổng số uỷ viên ban chấp hành, trường hợp khuyết được bầu bổ sung cho đủ số lượng. Thường trực (không phải là một cấp) gồm chủ tịch, các phó chủ tịch thay mặt ban thường vụ giải quyết công việc giữa hai kỳ hội nghị ban thường vụ theo nghị quyết, chủ trương của ban chấp hành, ban thường vụ.</p> <p>3. Trường hợp cần thiết, ban chấp hành Hội cấp trên trực tiếp có quyền chỉ định ban chấp hành, ban thường vụ, các chức danh chủ chốt của Hội cấp dưới.</p> <p>Nhiệm kỳ của ban chấp hành, ban thường vụ, các chức danh chủ chốt được chỉ định không nhất thiết đủ 5 năm.</p> <p>4. Ban Thường vụ Trung ương Hội thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Hội chỉ đạo các cấp Hội tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội và các nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Trung ương Hội. Ban Thường vụ Trung ương Hội thành lập Văn phòng, các Ban chuyên môn, đơn vị sự nghiệp làm tham mưu, giúp việc. Ban Thường vụ tỉnh, thành Hội thành lập Văn phòng và các Ban chuyên môn, đơn vị sự nghiệp theo hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Hội. Cấp huyện và cơ sở phân công cán bộ phụ trách các mặt công</p>	<p>sự đồng ý của Hội cấp trên một cấp.</p> <p>Điều 9: Ban chấp hành Hội Nông dân các cấp</p> <p>1. Số lượng và cơ cấu ban chấp hành cấp nào do ban chấp hành Hội cấp trên trực tiếp hướng dẫn và do đại hội cấp đó quyết định. Trong nhiệm kỳ, nếu số lượng uỷ viên ban chấp hành khuyết thì hội nghị ban chấp hành hoặc hội nghị đại biểu bầu bổ sung. Số uỷ viên ban chấp hành được bầu cử bổ sung cấp tỉnh và Trung ương không quá một phần hai (1/2) so với số uỷ viên ban chấp hành do đại hội quyết định; cấp huyện và cấp cơ sở được bổ sung đủ số lượng uỷ viên ban chấp hành mà đại hội đã quyết định (không giới hạn số lần bầu).</p> <p>2. Ban chấp hành là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội, ban chấp hành cấp dưới phải được ban chấp hành cấp trên trực tiếp công nhận. Ban chấp hành bầu ban thường vụ, bầu chủ tịch, các phó chủ tịch trong số uỷ viên ban thường vụ. Số lượng và cơ cấu ban thường vụ do ban chấp hành quyết định, tổng số uỷ viên ban thường vụ không quá một phần ba (1/3) tổng số uỷ viên ban chấp hành, trường hợp khuyết được bầu bổ sung cho đủ số lượng. Thường trực (không phải là một cấp) gồm chủ tịch, các phó chủ tịch thay mặt ban thường vụ giải quyết công việc giữa hai kỳ hội nghị ban thường vụ theo nghị quyết, chủ trương của ban chấp hành, ban thường vụ.</p> <p>Ban chấp hành bầu Ủy ban kiểm tra cùng cấp để tham mưu cho Ban chấp hành về công tác kiểm tra của Hội (nếu sửa đổi chương V theo phương án 1).</p> <p>3. Trường hợp cần thiết, ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp có quyền chỉ định uỷ viên ban chấp hành, uỷ viên ban thường vụ, các chức danh chủ chốt của Hội cấp dưới.</p> <p>Nhiệm kỳ của ban chấp hành, ban thường vụ, các chức danh chủ chốt được chỉ định không nhất thiết đủ 5 năm.</p> <p>4. Ban Thường vụ Trung ương Hội thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Hội chỉ đạo các cấp Hội tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội và các nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Trung ương Hội. Ban Thường vụ Trung ương Hội thành lập Văn phòng, các Ban chuyên môn, đơn vị sự nghiệp làm tham mưu, giúp việc. Ban Thường vụ Hội Nông dân các tỉnh, thành phố thành lập Văn phòng và các Ban chuyên môn,</p>
---	---

tác của Hội, hoặc thành lập các bộ phận, tổ chức kiêm nhiệm giúp việc khi cần.

5. Ban chấp hành từ cấp huyện trở lên họp thường kỳ một năm hai lần, Ban chấp hành cơ sở họp thường kỳ một tháng một lần. Ban thường vụ cấp tỉnh, huyện và cơ sở họp thường kỳ một tháng một lần, Ban Thường vụ Trung ương Hội họp ít nhất ba tháng một lần. Khi cần thiết ban chấp hành, ban thường vụ các cấp họp bất thường. Hội nghị ban chấp hành, ban thường vụ chỉ họp lệ khi có mặt hai phần ba (2/3) số ủy viên được triệu tập trở lên. Nghị quyết ban chấp hành, ban thường vụ có giá trị khi quá một phần hai (1/2) tổng số ủy viên ban chấp hành hay ban thường vụ được triệu tập biểu quyết đồng ý. Ủy viên ban chấp hành nghỉ hưu, nghỉ công tác hoặc chuyển công tác khác đương nhiên không còn là ủy viên của ban chấp hành.

6. Ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ xin rút khỏi ban chấp hành ở cấp nào do ban chấp hành cấp đó xem xét, đề nghị lên ban thường vụ cấp trên trực tiếp quyết định; đối với ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương quyết định.

đơn vị sự nghiệp theo hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Hội và cấp ủy tỉnh, thành phố. Cấp huyện và cơ sở phân công cán bộ phụ trách các mặt công tác của Hội, hoặc thành lập các bộ phận, tổ chức kiêm nhiệm giúp việc khi cần.

5. Ban chấp hành từ cấp huyện trở lên họp thường kỳ một năm hai lần, Ban chấp hành cơ sở họp thường kỳ một tháng một lần. Ban thường vụ cấp tỉnh, huyện và cơ sở họp thường kỳ một tháng một lần, Ban Thường vụ Trung ương Hội họp ít nhất ba tháng một lần. Khi cần thiết ban chấp hành, ban thường vụ các cấp họp bất thường. Hội nghị ban chấp hành, ban thường vụ chỉ họp lệ khi có mặt hai phần ba (2/3) số ủy viên được triệu tập trở lên. Nghị quyết ban chấp hành, ban thường vụ có giá trị khi quá một phần hai (1/2) tổng số ủy viên ban chấp hành hay ban thường vụ được triệu tập biểu quyết đồng ý.

Ủy viên ban chấp hành khi có quyết định nghỉ công tác để nghỉ hưu hoặc chuyển công tác khác mà vị trí công tác mới không có cơ cấu theo Đề án ban chấp hành, ban thường vụ thì đương nhiên không còn là ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ.

6. Ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ xin rút khỏi ban chấp hành ở cấp nào do ban chấp hành cấp đó xem xét, đề nghị lên ban thường vụ cấp trên trực tiếp quyết định; đối với ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương quyết định.

Điều 13: Chi hội

Chi hội là đơn vị hành động, cầu nối của ban chấp hành cơ sở với hội viên, nông dân. Chi hội tổ chức theo thôn, ấp, bản, làng, khu phố, hợp tác xã và theo nghề nghiệp. Chi hội có thể chia thành nhiều tổ hội.

Chi hội tổ chức hội nghị bầu chi hội trưởng, chi hội phó, nhiệm kỳ hai năm rưỡi và bầu đại biểu đi dự đại hội Hội Nông dân cấp cơ sở.

Việc bầu cử tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết. Chi hội họp ba tháng một lần, khi cần thiết có thể họp bất thường.

Điều 13: Chi hội

1. Chi hội là đơn vị hành động, cầu nối của ban chấp hành cơ sở với hội viên, nông dân. Chi hội tổ chức theo thôn, ấp, bản, làng, khu phố, hợp tác xã và theo nghề nghiệp. Chi hội có trên 50 hội viên phải được chia thành các tổ hội (theo địa bàn, đối tượng, nghề nghiệp, sở thích...).

Khổ tiếp theo có 2 phương án:

- **Phương án 1:** “Chi hội tổ chức đại hội. Đối với chi hội có số lượng từ 200 hội viên trở lên bầu ban chấp hành chi hội, trong đó có các tổ trưởng tổ hội là ủy viên. Ban chấp hành chi hội bầu chi hội trưởng, chi hội phó”.

- **Phương án 2** (giữ nguyên).

2. Việc bầu cử tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết **giơ tay**.

3. Chi hội họp ba tháng một lần, khi cần thiết

<p>Điều 16: Nhiệm vụ của tổ hội Nhiệm vụ của tổ Hội là tuyên truyền, vận động hội viên, nông dân đoàn kết, tương trợ, hợp tác lao động sản xuất, thực hiện nghĩa vụ công dân, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của hội viên, nông dân, vận động hội viên, nông dân xây dựng gia đình văn hoá, giữ gìn an ninh trật tự, hoà giải những vụ tranh chấp của hội viên, nông dân; thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển hội viên, xây dựng quỹ Hội, thu nộp hội phí theo quy định.</p>	<p>có thể hợp bất thường.</p> <p>Điều 16: Nhiệm vụ của tổ hội Tuyên truyền, vận động hội viên, nông dân đoàn kết, tương trợ, hợp tác lao động sản xuất, thực hiện nghĩa vụ công dân, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của hội viên, nông dân, vận động hội viên, nông dân xây dựng gia đình văn hoá, giữ gìn an ninh trật tự, hoà giải những vụ tranh chấp của hội viên, nông dân; thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển hội viên, xây dựng quỹ Hội, thu nộp hội phí theo quy định.</p>
<p>Chương V: Công tác kiểm tra</p>	<p>Chương V: Công tác kiểm tra</p>
<p>Điều 17: Công tác kiểm tra Ban Chấp hành, Ban Thường vụ các cấp thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra nhằm phục vụ yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức và hoạt động của Hội. Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp nào lập ra ban kiểm tra của Hội cấp đó.</p> <p>Điều 18: Ban kiểm tra Ban kiểm tra giúp ban chấp hành, ban thường vụ thực hiện công tác kiểm tra, giám sát của Hội gồm những nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kiểm tra, giám sát cán bộ, hội viên, tổ chức Hội cấp dưới về chấp hành Điều lệ Hội, thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Hội. 2. Kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài chính Hội, thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của Hội cùng cấp và cấp dưới. 3. Tham gia hoà giải và giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo của nông dân; giải quyết những vụ việc thuộc thẩm quyền của Hội. 4. Giám sát việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở nông thôn. 	<p>* Phương án 1: Sửa đổi cơ bản toàn bộ chương V quy định về công tác kiểm tra với việc thành lập mô hình Ủy ban Kiểm tra của Hội.</p> <p>Điều 17: Công tác kiểm tra Công tác kiểm tra của Hội là nhiệm vụ của ban chấp hành Hội Nông dân mỗi cấp nhằm đảm bảo việc thực hiện Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị và các quy định của tổ chức Hội. Mỗi cấp Hội phải tổ chức, tiến hành công tác kiểm tra ở cấp đó và chịu sự kiểm tra của Hội cấp trên.</p> <p>Điều 18: Ủy ban kiểm tra của Hội</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ủy ban Kiểm tra của Hội được thành lập từ Trung ương đến cấp cơ sở do Ban Chấp hành cùng cấp bầu ra. Nhiệm kỳ của Ủy ban Kiểm tra mỗi cấp theo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng cấp. Ủy ban Kiểm tra có một số Ủy viên Ban Chấp hành, song không quá một phần hai (1/2) số lượng Ủy viên Ủy ban Kiểm tra. Số lượng Ủy viên Ủy ban Kiểm tra mỗi cấp do Ban Thường vụ Trung ương Hội quy định. 2. Việc công nhận Ủy ban Kiểm tra do Ban Chấp hành cùng cấp đề nghị, Ban Thường vụ Hội cấp trên trực tiếp quyết định. Việc cho rút tên trong danh sách Ủy ban Kiểm tra do Ban Chấp hành cùng cấp quyết định và báo cáo lên Hội cấp trên trực tiếp. Việc bổ sung và cho rút tên Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương Hội do Ban Chấp hành Trung ương Hội xem xét, quyết định. <p>Điều 19: Nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm tra các cấp</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tham mưu cho Ban Chấp hành kiểm tra việc thi hành Điều lệ, nghị quyết, chủ trương của Hội. 2. Kiểm tra cán bộ, hội viên (kể cả Ủy viên Ban Chấp hành cùng cấp) và tổ chức Hội cấp

	<p>dưới khi có dấu hiệu vi phạm Điều lệ Hội.</p> <p>3. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của tổ chức Hội cấp dưới.</p> <p>4. Giám sát Ủy viên Ban Chấp hành, cán bộ Hội cùng cấp và tổ chức Hội cấp dưới trong việc thực hiện chủ trương, nghị quyết và quy định của Hội.</p> <p>5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo của cán bộ, hội viên và nông dân liên quan đến cán bộ, hội viên; tham mưu cho Ban Chấp hành về việc thi hành kỷ luật Hội.</p> <p>6. Kiểm tra công tác hội phí, việc sử dụng các nguồn quỹ khác của các đơn vị trực thuộc Ban Chấp hành cùng cấp và cấp dưới.</p> <p>Điều 20: Nguyên tắc làm việc và thẩm quyền</p> <p>Ủy Ban Kiểm tra các cấp làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, chịu sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Hội cùng cấp và sự chỉ đạo của Ủy ban Kiểm tra cấp trên.</p> <p>Ủy ban Kiểm tra cấp trên có quyền yêu cầu tổ chức Hội cấp dưới và cán bộ, hội viên báo cáo, cung cấp tài liệu về những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát; tham mưu cho Ban Chấp hành cùng cấp thay đổi hoặc xóa bỏ quyết định kỷ luật của Hội cấp dưới.</p>
<p>Điều 17: Công tác kiểm tra</p> <p>Ban Chấp hành, Ban Thường vụ các cấp thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra nhằm phục vụ yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức và hoạt động của Hội.</p> <p>Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp nào lập ra ban kiểm tra của Hội cấp đó.</p>	<p>* Phương án 2: Sửa đổi trên cơ sở các quy định trước đây.</p> <p>Điều 17: Công tác kiểm tra</p> <p>Ban Chấp hành, Ban Thường vụ các cấp thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra nhằm phục vụ yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức hoạt động của Hội và thực hiện chức năng giám sát theo quy định của Đảng, pháp luật và của Hội.</p> <p>Trung ương Hội lập ra Ban Kiểm tra tham mưu cho Ban Thường vụ về công tác kiểm tra; Hội Nông dân cấp tỉnh giao một Ban tham mưu về công tác kiểm tra của Hội; ở cấp huyện và cấp xã, phân công đồng chí Phó Chủ tịch phụ trách tham mưu công tác kiểm tra của Hội.</p>
<p>Điều 18: Ban kiểm tra</p> <p>Ban kiểm tra giúp ban chấp hành, ban thường vụ thực hiện công tác kiểm tra, giám sát của Hội gồm những nội dung sau:</p> <p>1. Kiểm tra, giám sát cán bộ, hội viên, tổ chức Hội cấp dưới về chấp hành Điều lệ Hội,</p>	<p>Điều 18: Nội dung công tác kiểm tra</p> <p>1. Kiểm tra, giám sát cán bộ, hội viên, tổ chức Hội cấp dưới về chấp hành Điều lệ Hội, thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Hội.</p> <p>2. Kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài chính Hội, thực hiện các chương trình, dự án phát triển</p>

thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Hội.

2. Kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài chính Hội, thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của Hội cùng cấp và cấp dưới.

3. Tham gia hoà giải và giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo của nông dân; giải quyết những vụ việc thuộc thẩm quyền của Hội.

4. Giám sát việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở nông thôn.

kinh tế - xã hội của Hội cùng cấp và cấp dưới.

3. Tham gia **tiếp công dân**, hòa giải và **tham gia** giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân; giải quyết những vụ việc thuộc thẩm quyền của Hội.

4. Giám sát việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở nông thôn:

Thời gian gửi báo cáo tổng hợp ý kiến bổ sung, sửa đổi Điều lệ Hội về Hội Nông dân tỉnh Hưng Yên (qua Ban Tổ chức - Kiểm tra và qua mail: daothiuonghy@gmail.com) *trước ngày 10/8/2018* để tổng hợp báo cáo trình trong Đại hội Hội Nông dân tỉnh. *Suyfa*

Nơi nhận:

- Hội Nông dân các huyện, TP;
- Thường trực HND tỉnh;
- Các ban, đơn vị HND tỉnh;
- Lưu Ban TC - KT, VT.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHỦ TỊCH



★ Phạm Thanh Bình